KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00055549
Mã số kết quả : AR-23-VD-063918-01 / EUVNHC-00213680

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội
TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Tên mẫu : Đầu nguồn Sơn Đông
Ngày nhận mẫu : 10/05/2023
Thời gian thử nghiệm : 10/05/2023 - 12/05/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 17/05/2023
Mã số PO của khách hàng : M73P230510821-MT

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD1Q0 VD **Bromodiclorometan**	µg/ l	US EPA 524.2 mod	**Không phát hiện (LOD=10)**
2	VD1PT VD **Bromofoc**	µg/ l	US EPA 524.2 mod	**Không phát hiện (LOD=10)**
3	VD1PU VD **chloroform**	µg/ l	US EPA 524.2 mod	**Không phát hiện (LOD=30)**
4	VD1PZ VD **Dibromoclorometan**	µg/ l	US EPA 524.2 mod	**Không phát hiện (LOD=5)**

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM

M.S.D.N:0311526885-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH EUROFINS SÁC KÝ HẢI ĐĂNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 26/05/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 26/05/2023.

Ghi chú giải thích
Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00055550
Mã số kết quả : AR-23-VD-063919-01 / EUVNHC-00213680

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội
TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Tên mẫu : Đầu Nguồn Phú Tân
Ngày nhận mẫu : 10/05/2023
Thời gian thử nghiệm : 10/05/2023 - 12/05/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 17/05/2023
Mã số PO của khách hàng : M73P230510821-MT

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD1Q0 VD **Bromodiclorometan**	µg/ l	US EPA 524.2 mod	**Không phát hiện (LOD=10)**
2	VD1PT VD **Bromofoc**	µg/ l	US EPA 524.2 mod	**Không phát hiện (LOD=10)**
3	VD1PU VD **chloroform**	µg/ l	US EPA 524.2 mod	**Không phát hiện (LOD=30)**
4	VD1PZ VD **Dibromoclorometan**	µg/ l	US EPA 524.2 mod	**Không phát hiện (LOD=5)**

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM

M.S.D.N:0311526885-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 26/05/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 26/05/2023.

Ghi chú giải thích
Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00055484
Mã số kết quả : AR-23-VD-064453-01 / EUVNHC-00213664

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội
TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Tên mẫu : Thô Sơn Định – chợ Lách
Ngày nhận mẫu : 10/05/2023
Thời gian thử nghiệm : 10/05/2023 - 25/05/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 24/05/2023
Mã số PO của khách hàng : M73P230510806-MT

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 08-MT:2015/BTNMT CỘT A2
1	VD583 EXT **Total organic carbon (TOC)**	mg/ l	TCVN 6634:2000 (ISO 8245:1999)	**1.56**	-
2	VE0I7 VE **Nhiệt độ**		TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	**26.5**	-
3	VE0I8 VE (a) **Oxy hòa tan (DO)**	mg/ l	SMEWW 4500O C:2017	**6.04**	≥ 5
4	VE0I5 VE (a) **pH**		TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	**7.81**	6-8.5
5	VE0FY VE (a)(b) **Nhu cầu oxy sinh học (BOD_5)**	mg/ l	SMEWW 5210B:2017	**8.00**	6
6	VE0GF VE (a)(b) **Nhu cầu oxy hóa học (COD)**	mg/ l	SMEWW 5220C:2017	**19.8**	15
7	VE0FS VE (b) **Amoni quy về N (NH_4-N)**	mg/ l	SMEWW 4500-NH3-F:2017	**Không phát hiện (LOD=0.016)**	0.3
8	VE0HQ VE (a)(b) **Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)**	mg/ l	SMEWW 2540D:2017	**10.0**	30
9	VE0HV VE (a)(b) **Tổng dầu và mỡ**	mg/ l	SMEWW 5520 B:2017	**Phát hiện vết (<1)**	0.5
10	VE0GB VE (a)(b) **Clorua (Cl^-)**	mg/ l	US EPA Method 300.0	**44.3**	350
11	VE0HE VE (a)(b) **Sắt (Fe)**	mg/ l	SMEWW 3030A:2017; SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3111B:2017	**1.20**	1
12	VE0H2 VE (a)(b) **Mangan (Mn)**	mg/ l	SMEWW 3030A:2017; SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3111B:2017	**0.146**	0.2
13	VE0H0 VE (a)(b) **Kẽm (Zn)**	mg/ l	SMEWW 3030A:2017; SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3111B:2017	**0.153**	1.0
14	VE0GH VE (b) ***Coliforms***	MPN/ 100 ml	TCVN 6187-2:1996 (ISO 9308-2:1990)	**$4.6x10^3$**	5000
15	VE0GT VE (b) ***Escherichia coli***	MPN/ 100 ml	TCVN 6187-2:1996 (ISO 9308-2:1990)	**$4.6x10^2$**	50

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00055483
Mã số kết quả : AR-23-VD-064452-01 / EUVNHC-00213664

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội
TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Tên mẫu : Thô Đỗ Hoàn Sinh
Ngày nhận mẫu : 10/05/2023
Thời gian thử nghiệm : 10/05/2023 - 25/05/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 24/05/2023
Mã số PO của khách hàng : M73P230510806-MT

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 08-MT:2015/BTNMT CỘT A2
1	VD583 EXT **Total organic carbon (TOC)**	mg/ l	TCVN 6634:2000 (ISO 8245:1999)	**3.47**	-
2	VE0I7 VE **Nhiệt độ**		TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	**26.4**	-
3	VE0I8 VE (a) **Oxy hòa tan (DO)**	mg/ l	SMEWW 4500O C:2017	**6.14**	≥ 5
4	VE0I5 VE (a) **pH**		TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	**8.07**	6-8.5
5	VE0FY VE (a)(b) **Nhu cầu oxy sinh học (BOD_5)**	mg/ l	SMEWW 5210B:2017	**10.6**	6
6	VE0GF VE (a)(b) **Nhu cầu oxy hóa học (COD)**	mg/ l	SMEWW 5220C:2017	**27.0**	15
7	VE0FS VE (b) **Amoni quy về N (NH_4-N)**	mg/ l	SMEWW 4500-NH3-F:2017	**Không phát hiện (LOD=0.016)**	0.3
8	VE0HQ VE (a)(b) **Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)**	mg/ l	SMEWW 2540D:2017	**14.0**	30
9	VE0HV VE (a)(b) **Tổng dầu và mỡ**	mg/ l	SMEWW 5520 B:2017	**Phát hiện vết (<1)**	0.5
10	VE0GB VE (a)(b) **Clorua (Cl^-)**	mg/ l	US EPA Method 300.0	**1110**	350
11	VE0HE VE (a)(b) **Sắt (Fe)**	mg/ l	SMEWW 3030A:2017; SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3111B:2017	**1.20**	1
12	VE0H2 VE (a)(b) **Mangan (Mn)**	mg/ l	SMEWW 3030A:2017; SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3111B:2017	**0.376**	0.2
13	VE0H0 VE (a)(b) **Kẽm (Zn)**	mg/ l	SMEWW 3030A:2017; SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3111B:2017	**0.088**	1.0
14	VE0GH VE (b) ***Coliforms***	MPN/ 100 ml	TCVN 6187-2:1996 (ISO 9308-2:1990)	**$9.3x10^1$**	5000
15	VE0GT VE (b) ***Escherichia coli***	MPN/ 100 ml	TCVN 6187-2:1996 (ISO 9308-2:1990)	**Không phát hiện (LOD=3)**	50

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00055482
Mã số kết quả : AR-23-VD-064451-01 / EUVNHC-00213664

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội
TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Tên mẫu : Thô Cái Cỏ
Ngày nhận mẫu : 10/05/2023
Thời gian thử nghiệm : 10/05/2023 - 25/05/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 24/05/2023
Mã số PO của khách hàng : M73P230510806-MT

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 08-MT:2015/BTNMT CỘT A2
1	VD583 EXT **Total organic carbon (TOC)**	mg/ l	TCVN 6634:2000 (ISO 8245:1999)	**3.43**	-
2	VE0I7 VE **Nhiệt độ**		TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	**26.2**	
3	VE0I8 VE (a) **Oxy hòa tan (DO)**	mg/ l	SMEWW 4500O C:2017	**6.34**	≥ 5
4	VE0I5 VE (a) **pH**		TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	**7.25**	6-8.5
5	VE0FY VE (a)(b) **Nhu cầu oxy sinh học (BOD_u)**	mg/ l	SMEWW 5210B:2017	**3.40**	6
6	VE0GF VE (a)(b) **Nhu cầu oxy hóa học (COD)**	mg/ l	SMEWW 5220C:2017	**8.32**	15
7	VE0FS VE (b) **Amoni quy về N (NH_4-N)**	mg/ l	SMEWW 4500-NH3-F:2017	**Không phát hiện (LOD=0.016)**	0.3
8	VE0HQ VE (a)(b) **Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)**	mg/ l	SMEWW 2540D:2017	**20.0**	30
9	VE0HV VE (a)(b) **Tổng dầu và mỡ**	mg/ l	SMEWW 5520 B:2017	**Phát hiện vết (<1)**	0.5
10	VE0GB VE (a)(b) **Clorua (Cl^-)**	mg/ l	US EPA Method 300.0	**70.9**	350
11	VE0HE VE (a)(b) **Sắt (Fe)**	mg/ l	SMEWW 3030A:2017; SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3111B:2017	**1.70**	1
12	VE0H2 VE (a)(b) **Mangan (Mn)**	mg/ l	SMEWW 3030A:2017; SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3111B:2017	**0.270**	0.2
13	VE0H0 VE (a)(b) **Kẽm (Zn)**	mg/ l	SMEWW 3030A:2017; SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3111B:2017	**0.139**	1.0
14	VE0GH VE (b) ***Coliforms***	MPN/ 100 ml	TCVN 6187-2:1996 (ISO 9308-2:1990)	**$1.1x10^3$**	5000
15	VE0GT VE (b) ***Escherichia coli***	MPN/ 100 ml	TCVN 6187-2:1996 (ISO 9308-2:1990)	**$2.4x10^2$**	50

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00055481
Mã số kết quả : AR-23-VD-064450-01 / EUVNHC-00213664

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội
TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Tên mẫu : Thô Ba Lai
Ngày nhận mẫu : 10/05/2023
Thời gian thử nghiệm : 10/05/2023 - 25/05/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 24/05/2023
Mã số PO của khách hàng : M73P230510806-MT

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 08-MT:2015/BTNMT CỘT A2
1	VD583 EXT **Total organic carbon (TOC)**	mg/ l	TCVN 6634:2000 (ISO 8245:1999)	**3.32**	-
2	VE0I7 VE **Nhiệt độ**		TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	**26.4**	
3	VE0I8 VE (a) **Oxy hòa tan (DO)**	mg/ l	SMEWW 4500O C:2017	**6.14**	≥ 5
4	VE0I5 VE (a) **pH**		TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	**7.52**	6-8.5
5	VE0FY VE (a)(b) **Nhu cầu oxy sinh học (BOD_5)**	mg/ l	SMEWW 5210B:2017	**4.20**	6
6	VE0GF VE (a)(b) **Nhu cầu oxy hóa học (COD)**	mg/ l	SMEWW 5220C:2017	**10.4**	15
7	VE0FS VE (b) **Amoni quy về N (NH_4-N)**	mg/ l	SMEWW 4500-NH3-F:2017	**Không phát hiện (LOD=0.016)**	0.3
8	VE0HQ VE (a)(b) **Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)**	mg/ l	SMEWW 2540D:2017	**18.0**	30
9	VE0HV VE (a)(b) **Tổng dầu và mỡ**	mg/ l	SMEWW 5520 B:2017	**Phát hiện vết (<1)**	0.5
10	VE0GB VE (a)(b) **Clorua (Cl^-)**	mg/ l	US EPA Method 300.0	**213**	350
11	VE0HE VE (a)(b) **Sắt (Fe)**	mg/ l	SMEWW 3030A:2017; SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3111B:2017	**1.50**	1
12	VE0H2 VE (a)(b) **Mangan (Mn)**	mg/ l	SMEWW 3030A:2017; SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3111B:2017	**0.300**	0.2
13	VE0H0 VE (a)(b) **Kẽm (Zn)**	mg/ l	SMEWW 3030A:2017; SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3111B:2017	**Phát hiện vết (<0.067)**	1.0
14	VE0GH VE (b) ***Coliforms***	MPN/ 100 ml	TCVN 6187-2:1996 (ISO 9308-2:1990)	**$2.4x10^3$**	5000
15	VE0GT VE (b) ***Escherichia coli***	MPN/ 100 ml	TCVN 6187-2:1996 (ISO 9308-2:1990)	**Không phát hiện (LOD=3)**	50

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00055480
Mã số kết quả : AR-23-VD-064449-01 / EUVNHC-00213664

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội
TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Tên mẫu : Thô kênh Thanh Bình – Sơn Đông
Ngày nhận mẫu : 10/05/2023
Thời gian thử nghiệm : 10/05/2023 - 25/05/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 24/05/2023
Mã số PO của khách hàng : M73P230510806-MT

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 08-MT:2015/BTNMT CỘT A2
1	VD583 EXT **Total organic carbon (TOC)**	mg/ l	TCVN 6634:2000 (ISO 8245:1999)	**2.34**	-
2	VE0I7 VE **Nhiệt độ**		TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	**26.3**	
3	VE0I8 VE (a) **Oxy hòa tan (DO)**	mg/ l	SMEWW 4500O C:2017	**6.04**	≥ 5
4	VE0I5 VE (a) **pH**		TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	**8.05**	6-8.5
5	VE0FY VE (a)(b) **Nhu cầu oxy sinh học (BOD_5)**	mg/ l	SMEWW 5210B:2017	**6.00**	6
6	VE0GF VE (a)(b) **Nhu cầu oxy hóa học (COD)**	mg/ l	SMEWW 5220C:2017	**14.6**	15
7	VE0FS VE (b) **Amoni quy về N (NH_4-N)**	mg/ l	SMEWW 4500-NH3-F:2017	**Không phát hiện (LOD=0.016)**	0.3
8	VE0HQ VE (a)(b) **Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)**	mg/ l	SMEWW 2540D:2017	**10.0**	30
9	VE0HV VE (a)(b) **Tổng dầu và mỡ**	mg/ l	SMEWW 5520 B:2017	**Phát hiện vết (<1)**	0.5
10	VE0GB VE (a)(b) **Clorua (Cl^-)**	mg/ l	US EPA Method 300.0	**88.0**	350
11	VE0HE VE (a)(b) **Sắt (Fe)**	mg/ l	SMEWW 3030A:2017; SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3111B:2017	**0.770**	1
12	VE0H2 VE (a)(b) **Mangan (Mn)**	mg/ l	SMEWW 3030A:2017; SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3111B:2017	**0.280**	0.2
13	VE0H0 VE (a)(b) **Kẽm (Zn)**	mg/ l	SMEWW 3030A:2017; SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3111B:2017	**0.071**	1.0
14	VE0GH VE (b) ***Coliforms***	MPN/ 100 ml	TCVN 6187-2:1996 (ISO 9308-2:1990)	**$4.6x10^7$**	5000
15	VE0GT VE (b) ***Escherichia coli***	MPN/ 100 ml	TCVN 6187-2:1996 (ISO 9308-2:1990)	**$2.4x10^6$**	50